

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 37

Phần b: Từ “Phật tử...” trở xuống là đạt được năm Thần thông, trình bày về quả thuộc công dụng của hành. Trước là tâm Từ cứu giúp ấp ủ bên trong, ở đây là công dụng cứu giúp chúng sinh hiện rõ bên ngoài. Thuận theo phần nhiều mà nói chỉ làm cho tà giáo phải quy phục, Diệu Dụng khó lường gọi là Thần, tự tại không có ngăn ngại gọi là Thông. Trong văn có năm: Một- Thần cảnh; Hai- Thiên nhĩ; Ba- Tha tâm; Bốn- Túc trú; Năm- Thiên nhãn.

Nương vào giống như thế gian cho nên chỉ đạt được năm loại, Sắc bên ngoài-Thân bên trong đều là cảnh của Thần, chuyển biến nhiều loại chỉ nhận lấy tên gọi là Thần, cũng gọi là Thần Túc. Dựa vào mong muốn, do tâm thường xuyên quán sát mà thành tựu, cho nên cũng gọi là Như Ý, bởi vì tùy ý thành tựu. Tên gọi còn lại dễ dàng hiểu rõ.

Nếu nói về Thế ấy, thì tổng quát là Tuệ, nói riêng biệt thì bốn loại trước là Trí, một loại sau là Kiến, Kiến cũng là Trí, soi chiếu rõ ràng thuận theo nghĩa của mắt, cho nên chỉ thiết lập tên gọi là Kiến. Nơi khác thì Thiên nhãn ở trong Thần cảnh.

Tiếp theo hiển bày về tự mình tu tập: Trước là thành tựu về Dụng thù thắng thuộc căn của mình, tiếp là nhận biết về tâm của người khác, sau là nhận biết về nghiệp trước đây.

Nay dựa theo ba nghiệp Lợi tha, cho nên Thiên nhãn ở cuối cùng: Một loại đầu là thân nghiệp, đi đến nơi căn cơ để giáo hóa. Hai loại tiếp là khẩu nghiệp, Thiên nhĩ nghe Phật thuyết pháp, nghe các loại phương ngôn, dùng Tha tâm trí, tùy theo đủ loại ngôn âm, đều nhận biết tất cả rồi, đem pháp đã nghe trước đây, tùy theo sự khác nhau của phương ngôn ấy, lại thuận theo khác nhau dùng ngôn ngữ nào mà trao cho pháp ấy. Hai loại sau là ý nghiệp, Túc trú nhận biết về quá khứ ấy là ở thế giới nào-chúng loại nào, Thiên nhãn nhìn thấy về vị lai ấy thành tựu lợi

ích xa-gần, tùy theo thích hợp để giáo hóa. Còn lại như ở phẩm Thập Thông phân rõ.

Một- Thân thông (Thần cảnh thông), vẫn có hai: Đầu là tổng quát trình bày; sau từ “Năng động...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong tổng quát: Nói đạt được, là tổng quát về tu tập, tổng quát về đạt được. Nếu dựa theo luận Du Già quyển thứ 33 thì đạt được bốn Tĩnh lực rồi, tất cả đều riêng biệt tu tập, đều có sự tưởng tượng (Giả tưởng), là riêng biệt tu tập-riêng biệt đạt được. Đã dựa vào phần vị theo thứ tự riêng biệt cũng không có gì trái ngược, nhưng tổng quát dựa vào bốn Thiên thì phần nhiều dựa vào Thiên thứ tư.

Trong riêng biệt: Đạt được ba loại tự tại: 1- Thế gian tự tại, bởi vì làm rung động mặt đất; 2- Từ “Dĩ nhất thân...” trở xuống là thân tự tại; 3- Từ “Thạch bích...” trở xuống là tác nghiệp tự tại.

Hai- Thiên nhĩ thông: Đầu là tổng quát nêu lên Thế ấy, nghĩa là Thiên nhĩ thanh tịnh. Thanh tịnh có hai nghĩa: 1- Bởi vì lìa xa pháp của cõi Dục, đạt được Tĩnh lực, dẫn dắt phát sinh thanh tịnh, do Đại chủng mà tạo ra; 2- Bởi vì lìa xa chướng ngại, nghe mà suy xét tường tận, vì thế cho nên nói là hơn hẳn tai người. Sau từ “Tất văn...” trở xuống là hiển bày về Dụng, giải thích về nghĩa hơn hẳn tai người, bởi vì cách xa-nhỏ bé đều nhận biết.

Ba- Tha tâm thông, có ba: Đầu là tổng quát về nhận biết tâm của người khác, bao gồm tâm vương-tâm sở; tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt; sau từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là kết luận.

Trong riêng biệt: Hành tướng của hai mươi sáu tâm đều khác nhau, nhưng trừ ra bốn tâm thuộc về nhỏ bé..., còn lại đều trình bày xen lẫn đối trị chướng ngại, so sánh để hiển bày về thiện ác, tổng quát thấu nhiếp làm chín loại:

1- Dùng sáu tâm đầu để trình bày về Tùy phiền não, nghĩa là tùy duyên hiện khởi tương ứng với phiền não, cho nên gọi là Tùy, không phải là dựa theo phiền não nhỏ gọi là Tùy. Nói có tham, là bởi vì ràng buộc do tham mà ràng buộc đối với pháp đã duyên vào đáng yêu thích. Lìa bỏ tham, là bởi vì xa rời ràng buộc do tham như vậy. Bốn loại sau dựa theo đây nhận biết, tức là ba căn bất thiện và ba căn thiện, dùng làm chủ động đối trị. Luận này chỉ vì chủ động đối trị, cũng dựa vào phiền não mà đưa ra, cho nên đều gọi là Tùy phiền não, Sở ở sau cũng như vậy.

2- Có hai tâm thuộc về phiền não..., trình bày về Sở tức là Tùy miên.

3- Bốn tâm thuộc về nhỏ bé..., tên gọi phát sinh dựa theo Vô ký, tâm của Báo-tâm của người, nhỏ bé là trời cõi Dục, rộng rãi là trời cõi Sắc, to lớn là trời cõi Vô sắc, bởi vì dùng Giải thoát-Vô lượng để làm hành tướng của Không-Thức vô biên. Hai loại trước không như vậy, cho nên không phải là Vô lượng. Nhưng Luận không trình bày về hai Không xứ phía trên, bởi vì ý trình bày về Vô sở hữu và mờ mịt yếu kém, hoặc là Lược-Phi lược thấu nhiếp.

4- Có bốn tâm, học về thực hành Tam-muội. Lược, nghĩa là do thực hành về Chỉ, bởi vì ràng buộc tâm ấy hướng về pháp đã duyên vào bên trong. Phi lược, là bởi vì quá chìm đắm mờ mịt, hoặc là không duyên vào một pháp nào. Tán, là cử động thái quá, đối với cảnh của năm Dục tuyệt vời tùy thuận lưu chuyển mà phân tán. Phi tán, là đối với pháp tuyệt vời đã duyên vào mà hiển hiện rõ ràng. Hai loại trước dựa theo Định, hai loại sau dựa theo Tuệ, Định cân bằng như nhau thì gọi là Đẳng Trì. Luận về Kinh hợp lại làm hai, gọi là Nhiếp-Bất nhiếp, cho nên Luận dùng Tán-Phi tán để giải thích.

5- Có hai tâm trình bày về đạt được Tam-muội. Định, là bởi vì chính thức tiến vào Định căn bản. Bất định, là bởi vì chưa tiến vào và lúc rời khỏi.

6- Có hai tâm trình bày về đạt được Giải thoát, bởi vì có ràng buộc-không có ràng buộc.

7- Có hai tâm, ngoài phạm phu tăng thượng mạn ra, tức là những loại trước đây. Còn lại bởi vì đạt được bốn Thiền gọi là bốn Quả, thì Tập hành thô gọi là Thượng vô, ở đây thì Tập hành vi tế gọi là Vô thượng.

8- Có hai tâm về Vọng hành-Chánh hành. Luận về Kinh gọi là Cầu-Bất cầu. Tâm mong cầu danh tiếng tức là tạp nhiễm, trái với điều này thì không phải là tạp nhiễm.

9- Có hai tâm, Đại thừa được-mất, Bi-Trí bao gồm cứu giúp là rộng rãi, hễ thiếu sót thì không phải là rộng rãi. Luận thiếu hai tâm này.

Chín loại trên đây không ra ngoài ba loại: Hai loại đầu là phiền não, một loại tiếp là khổ, còn lại đều là nghiệp, nghiệp có thiện-ác mà thôi. Cũng tức là Tứ đế tách ra, Giải thoát là Diệt, Nghiệp thiện là Đạo. Đều nhận biết như thật, là suy xét đối với Sự thật mà thấy rõ Lý thật. Cũng không phải ngoài tâm thấy pháp, cũng không phải không có cảnh có thể nhận biết. Nếu tướng Tự-Tha bật dứt, thì cùng một Thể với tâm chúng sinh, cho nên không có ngoài tâm. Không hủy hoại chủ động-thụ động, cho nên có thể nhận biết. Và lại, Tha tâm là tổng quát,

còn lại đều là riêng biệt. Sáu tướng viên dung nhận biết chân thật về Nhất thừa.

Bốn-Túc trú trí thông: Đầu là tổng quát nêu lên cái gì có thể nghĩ đến, tức là Trí về Túc trú; tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; sau từ “Như thị quá khứ...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong riêng biệt: 1- Nghĩ đến những sự việc gì? Nghĩa là sự việc trong một đời cho đến nhiều kiếp, đây là hiển bày về thời gian nghĩ đến; 2- Từ “Ngã tăng...” trở xuống là nghĩ đến như thế nào? Tức là tướng sai biệt của nghĩ đến. Nghĩ đến tên gọi không giống như họ hàng trong nhân ấy, nghĩa là cha mẹ-gia đình-họ hàng như Ca-diếp..., chủng tộc tức là sang hèn như Sát-lợi... Còn lại có thể biết.

Năm- Thiên nhãn thông: Luận gọi là Sinh tử trí thông, bởi vì dựa theo căn-dựa theo cảnh khác nhau: Đầu là tổng quát về có thể nhìn thấy, cái gì có thể nhìn thấy? Chính là Thiên nhãn. Thanh tịnh là bởi vì nhìn thấy tường tận. Vượt qua con người là bởi vì nhìn thấy rất xa. Tiếp từ “Kiến chư...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về những điều nhìn thấy: 1- Nhìn thấy nhân tùy theo nghiệp, quả vốn có của sinh tử; 2- Từ “Nhược bĩ chúng sinh...” trở xuống là vì sao nhìn thấy riêng biệt? Bởi vì nhìn thấy nhân quả không giống nhau, như trong phần Nhiếp thiện giới ở Địa thứ hai phân rõ. Sau từ “Bồ-tát...” trở xuống là kết luận.

Phần c: Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về tự tại, gần thì kết luận về quả của chán ngán, xa thì kết luận về chán ngán trước đây. Tự tại đối với điều gì? Tức là Thiền... trước đây. Thiền nghĩa là bốn Thiền. Tam-muội là Tam-muội như bốn Vô lượng Tử... Tam-ma-bát-đế, Luận nói là năm Thần thông. Đây đúng là sai lầm của người dịch. Phù hợp nói là Tam-ma-sí-đa, bởi vì Trung Hoa nói là Đẳng Dẫn, mà năm Thông tức là pháp đã dẫn dắt (Sở dẫn). Tam-ma-bát-đế, Trung Hoa nói là Đẳng Chí, mà không phải là Thần thông. Thế nào là tự tại? Bởi vì Trí có thể tiến vào-rời ra, thì phân tán-lay động không thể nào ràng buộc, tức là lúc tâm sinh khởi, tùy theo Dụng của tâm mà hiện rõ ở trước mắt. Phương tiện Đại Bi không tùy theo thọ sinh, thì Định không thể nào ràng buộc. Nếu không tùy theo Thiền sinh ra, thì sinh ra là nơi nào? Không chọn lựa tịnh-uế, chỉ nơi nào có thể đầy đủ Bồ-đề phần, thì sinh ra trong đó. Luận chủ thuận theo thù thắng và Tự lợi mà nói, nghĩa là chư Phật Bồ-tát cùng sinh ra một nơi, là nơi có thể đầy đủ. Bởi vì nguyện lực, là không phải nghiệp ràng buộc mà sinh ra.

Phần sau là Quả của Địa, ba quả tức là phần riêng biệt.

Phần 1: Trong quả Điều Nhu có ba: Một- Thể của hạnh Điều

nhu; Hai- Từ “Thử Bồ-tát ư Tứ Nhiếp...” trở xuống là hành tướng của Địa riêng biệt; Ba- Từ “Phật tử thị danh...” trở xuống là kết luận thuyết giảng về tướng của Địa.

Trong phần một có Pháp-Dụ-Hợp.

Trong Pháp có ba: a- Duyên luyện tập của Hạnh; b- Từ “Tất dĩ...” trở xuống là trình bày về Hạnh chủ động luyện tập; c- Từ “Kiến phước...” trở xuống là trình bày về đã luyện tập thanh tịnh.

Trong mục b: Trước là Hạnh phước, tiếp là Hạnh hồi hướng, sau là Hạnh tu về Trí.

Nói quán sát tất cả các pháp không sinh-không diệt, tức là quán sát về pháp tánh, bởi vì ở trong pháp thanh tịnh không thấy tăng thêm, cho nên không sinh; trong vọng tưởng phiền não không thấy giảm bớt, cho nên không diệt, do nhân duyên mà có. Ở đây có hai nghĩa: 1- Thành tựu trên đây do pháp thanh tịnh thuận theo duyên sinh, cho nên không có thể tăng thêm; pháp hư vọng thuận theo duyên diệt, cho nên không có thể giảm bớt. 2- Dựa theo tướng bất hoại, bởi vì Thể tuy không sinh diệt nhưng không ngăn ngại sinh diệt. Dựa vào nhân duyên đối trị, lìa xa vọng tưởng phiền não mà diệt; chuyển sang thanh tịnh thù thắng, Bát-nhã thanh tịnh hiện rõ trước mắt mà sinh. Bởi vì tất cả các pháp không sinh mà Bát-nhã sinh, cho nên nhận biết tất cả các pháp không diệt mà vọng tưởng diệt. Bởi vì pháp này đầy đủ pháp sau thì thấy ràng buộc đều diệt, là diệt mà không diệt. Lại bởi vì Địa thứ ba này đầy đủ thế gian, ở trong Thiền định thực hiện Thật quán này, sinh khởi Tuệ thuộc hành Vô sinh của Địa sau, cũng tức là Trí quán sát quyết định thiện xảo.

Trong mục c, là đã luyện tập thanh tịnh: Trước là trình bày về đoạn trừ phiền não, sau là chọn ra tế khác với thô.

Trong mục trước: Năm Phước tức là năm Trụ phiền não, nếu hợp với Sắc hữu thì tức là bốn Phước. Bởi vì ràng buộc chúng sinh, cho nên cũng gọi là bốn Lưu. Kiến phước diệt trước, là bởi vì Địa thứ nhất Kiến đạo đã đoạn trừ phiền não phân biệt. Tất cả Dục..., Luận nói: Ba Phước và nhân của nó trong tất cả Tu đạo, cùng với tập khí của Vô minh thấy đều mỏng dần. Nghĩa là ba Phước hiện hành và chủng tử của Phiền não chướng, cho nên nói là nhân của nó; cùng với chủng tử của Sở tri chướng ở Địa ấy diệt đi, cho nên nói là cùng với tập khí của Vô minh. Tập khí tức là nghĩa của chủng tử. Luận Du Già quyển thứ 48 nói: “Rời bỏ Dục tham cho nên không có Dục phước, rời bỏ Tĩnh lự-Đẳng trì cho nên đoạn trừ Hữu phước.”

Trong mục sau từ “U vô lượng...” trở xuống là chọn ra tế khác với thô, nghĩa là đoạn trừ vi tế, bởi vì nhiều kiếp không tích tập ba căn bất thiện, cho nên chủng tử vi tế dần dần đoạn trừ, thiện căn chuyển sang thanh tịnh.

Nói về nhiều kiếp, kinh Nhân Vương nói: “Địa thứ nhất trải qua bốn A-tăng-kỳ kiếp, Địa thứ hai trải qua năm A-tăng-kỳ kiếp, Địa thứ ba trải qua sáu A-tăng-kỳ kiếp. Chương vi tế khó đoạn trừ, trải qua kiếp càng thêm nhiều, nhiều kiếp không tích tập, cho nên đoạn trừ Tà tham...” Nhưng chỉ đoạn trừ tập khí vi tế, không phải là đoạn trừ thô. Chương thô thuộc về Kiến đạo, đã đoạn trừ ở Địa thứ nhất. Chương thô thuộc về Tu đạo, đã đoạn trừ ở Địa thứ hai. Thiện căn chuyển sang thanh tịnh, tức là Tín... trước đây.

Trong Dự: Nói cân lượng không giảm bớt, là chán ngán lia xa thế gian, thù thắng so với Tín... của Địa trước, bởi vì nhanh chóng tiến vào chán ngán, cho nên tự tại không giảm mất.

Trong Hợp, có hai: Đầu là chính thức kết hợp với Hạnh thanh tịnh trước đây; sau từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Nhẫn thanh tịnh, bởi vì Địa này Nhẫn tăng lên, cho nên chỉ trình bày về Nhẫn. Có mười ba tâm.

Hai câu đầu là tổng quát: 1- Người khác bôi nhọ làm cho xấu xa, mà mình có thể nhẫn nhịn chịu đựng. 2- Khéo léo bảo vệ tâm của người khác, nghĩa là người khác lấn hiếp mình, bởi vì cương cường; mình thì niềm nở với họ, bởi vì nhu hòa. Các câu sau riêng biệt giải thích hai câu này.

Đầu có hai tâm phân biệt, khéo léo bảo vệ tâm của người khác: 1- Tâm hài hòa tùy thuận, bởi vì người khác dấy lên nghi ngờ xấu ác đối với Bồ-tát, sân hận đối với Bồ-tát, Bồ-tát thể hiện hài hòa tùy thuận với họ giống như bạn bè; 2- Vừa lòng đẹp ý, là dùng lời nói yêu thương để dạy dỗ khuyên nhủ.

Tiếp là dùng ba tâm để phân biệt: Làm điều xấu ác nhưng mình nhẫn nhịn chịu đựng, nghĩa là thân làm điều xấu ác mà mình không giận, miệng nói xấu bôi nhọ mà tâm mình không dao động, ganh ghét làm hại mà buồn rầu phiền muộn không thể nào làm cho tâm hỗn loạn, dùng hồ rộng ngàn khoảnh thì mới lường được tâm ấy.

Tiếp có ba tâm nêu ra hai nhân trên đây: Không có cao thấp, bởi vì quá khứ lìa bỏ kiêu mạn đã lâu, không tự đề cao mình, xem thường đối với người dưới, do đó có thể nhu hòa bảo vệ người khác. Hai tâm sau tức là làm điều xấu ác mà nhân không thay đổi: 1- Bởi vì không

mong mỗi đền đáp ân tình, làm lợi ích cho người khác, bị bôi nhọ mà nhẫn nhịn chịu đựng; 2- Bởi vì tiếp nhận ân tình luôn luôn nghĩ đến, ân tình nhỏ bé mà đền đáp to lớn, chúng sinh có ân tình đối với mình, pháp vốn như vậy cần phải nhẫn nhịn.

Sau có ba tâm hiển bày về hai tâm trên đây: Lìa xa chướng ngại, tuy nhu hòa tùy thuận bảo vệ người khác, mà không phải là nịnh hót, bởi vì thật sự làm lợi ích. Tâm không lừa dối, không có nịnh hót bợ đỡ che giấu sai trái, bởi vì không có nịnh hót gian trá, Tiêm Bí là nịnh hót bợ đỡ. Còn lại đều có thể biết.

Phần 2: Từ “Bồ-tát trú thử...” trở xuống là quả Nhiếp Báo. Từ đây trở xuống, quả Nhiếp Báo của các Địa, vẫn đều phân hai: Một- Thân thù thắng bậc Thượng; Hai- Từ “Năng dĩ...” trở xuống là quả thù thắng bậc Thượng.

Trong quả: a- Hạnh thuộc Tự phần; b- Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là Hạnh thuộc Thắng tiến.

Phần ba: Phần trùng tụng, có mười tám kệ, phân năm: 1- Có một kệ, tụng về phần dấy khởi Hạnh chán ngán. 2- Có mười hai kệ, tụng về phần Hạnh chán ngán, trong đó: Hai kệ đầu tụng về Hạnh bảo vệ phiền não, ba kệ tiếp tụng về Hạnh bảo vệ Tiểu thừa, bảy kệ sau tụng về Hạnh phương tiện thâm nhiếp. 3- Có một kệ, tụng về phần chán ngán và quả. 4- Có ba kệ, tụng về phần Quả của phần vị. 5- Có một kệ kết luận về thuyết giảng. Địa thứ ba, xong.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 36 trong kinh).

Đoạn thứ tư: DIỆM TUỆ ĐỊA

Đầu là nguyên cơ đưa ra: Luận Du Già quyển thứ 78 dẫn kinh Giải Thâm Mật trình bày về bốn loại thanh tịnh có thể thâm nhiếp các Địa, ba Địa trước tức là kết thúc ba loại thanh tịnh thuộc về Ý lạc-Giới-Định tăng thượng, từ đây trở xuống là Địa thứ tư đến hết Phật Địa, trình bày về Tuệ tăng thượng, cho nên tiếp theo đưa ra.

Vả lại, Tuệ có nhiều loại, Địa thứ tư chính thức trình bày về trú trong Tuệ tăng thượng tương ứng với Giác phần, cho nên tiếp theo đưa ra.

Lại nữa, Địa trước tuy đạt được Tổng Trì thuộc Định thế gian, nhưng chưa có thể đạt được pháp phần Bồ-đề, chưa có thể rời bỏ Ái về Định (Định ái) và Ái về Pháp (Pháp ái), nay tu chứng được Hạnh ấy, cho nên tiếp theo đưa ra.

Nếu dựa vào Bản Luận, thì ba Địa trước nương vào thế gian, nay

Địa này là xuất thế gian, theo thứ tự cho nên đưa ra.

Nếu hướng về gần với Địa trước, thì nhờ được nghe về Định trước đây, mà Chứng Trí này phát khởi, cho nên tiếp theo đưa ra. Vì vậy, Luận nói: Dựa vào Tam-muội thanh tịnh ấy, nghe và duy trì (Văn trì) như thật, cho nên Trí thanh tịnh hiển bày rõ ràng.

Nói về Diệm Tuệ, là Pháp-Dụ cùng nêu ra, cũng có ba nghĩa:

1- Dựa theo bắt đầu tiến vào Địa để giải thích. Bởi vì bắt đầu tiến vào Chứng Trí, có thể đốt cháy củi kiêu mạn về pháp hiểu biết của Địa trước, phần Căn bản nói: Không quên củi phiền não mà lửa Trí có thể đốt cháy.

2- Dựa vào trong Địa để giải thích. Luận Thành Duy Thức nói: “An trú trong pháp phần Bồ-đề tối thắng, đốt cháy củi phiền não mà ngọn lửa Tuệ tăng thêm. Bởi vì cuối cùng trú trong Địa thứ tư, thì mới tu về pháp phần Bồ-đề. Rõ ràng trong Địa này, nếu chỉ chọn lấy pháp này mà làm Tuệ, chưa tu Đạo phẩm thì lẽ ra không phải là Diệm Địa.” Vì vậy trong Địa này chính thức trình bày về pháp phần Bồ-đề, bao gồm trước-sau. Các Luận phần nhiều dựa vào đây để giải thích.

Nhiếp Luận nói: “Bởi vì các pháp phần Bồ-đề, đốt cháy tất cả các chướng. Chướng tức là hai chướng.”

Luận Trang Nghiêm nói: “Dùng Tuệ thuộc phần Bồ-đề làm tự tánh của ngọn lửa, dùng hai chướng thuộc Phiền não-Trí làm tự tánh của củi. Bồ-tát ở Địa này có thể khởi lên ngọn lửa của Tuệ (Diệm Tuệ) đốt cháy củi của hai chướng, gọi là Diệm Tuệ Địa.”

Luận Du Già quyển thứ 78 dẫn kinh Giải Thâm Mật, trên đại thể giống như ở đây nói. Luận ấy nói: “Pháp phần Bồ-đề đã đạt được, lửa Trí như ngọn lửa có thể đốt cháy phiền não.” Kinh Kim Quang Minh, luận Hiển Dương không khác với ý này.

3- Dựa theo Địa đầy đủ. Từ ngọc Ma-ni của Chứng Trí, phát ra ánh sáng A-hàm, cho nên gọi là Diệm. Văn sau Luận đầy đủ. Nhưng phiền não đã đốt cháy tức là chướng hiện hành của phiền não vi tế đã lìa xa, nghĩa là một phần Câu sinh trong Sở tri chướng, cũng thâm nhiếp Ái về Định-Ái về Pháp, pháp phần Bồ-đề chỉ trái ngược với chúng, cho nên có thể đốt cháy. Bởi vì Địa thứ tư này nói về đoạn trừ hai Ngu và thô nặng của hai Ngu: Một- Ngu thuộc Ái về Đẳng chí bởi vì đắm theo vị của tám Định; Hai- Ngu thuộc Ái về Pháp, tức là kiêu mạn về pháp hiểu biết. Nay đạt được Định vô lậu và Giáo vô lậu, cho nên trái ngược với chúng. Từ đây chứng được Chân Như không có thâm nhiếp tiếp nhận, nghĩa là Chân Như này không có gì hệ thuộc, bởi vì không phải

là giữ lấy chỗ dựa như Ngã chấp... Đạt được Chân Như này lẽ nào có Ái của Định-Pháp, thì có thể thành tựu Hạnh thuộc phần Bồ-đề phần và Hạnh không trú vào đạo, tinh tiến không lui sụt. Bởi vì đạt được Chân Như không có thân nhiếp tiếp nhận, cho nên đạt được quả thân nhiếp chúng sinh.

Tiếp là chính thức giải thích văn. Văn cũng có ba phần: Một- Ca ngợi thừa thỉnh; Hai- Chính thức thuyết giảng; Ba- Trùng tụng.

Phần một: Ca ngợi thừa thỉnh, có sáu kệ, phân hai: Hai kệ rưỡi đầu là tự thuật của người kết tập kinh pháp. Mặt đất và biển rộng lay động, là biểu thị cho mặt đất sâu dày của Vô minh, nước của biển Ái rộng lớn có thể khô cạn. Ba kệ rưỡi sau chính thức trình bày về ca ngợi thừa thỉnh, trong đó: Đầu là hai kệ rưỡi của Thiên Vương thừa thỉnh, sau là một kệ của vị đứng đầu Đại chúng thừa thỉnh.

Phần hai: Chính thức thuyết giảng, có hai: Trước là trình bày về Tướng của Địa, sau là trình bày về Quả của Địa.

Trong phần trước là trình bày về Tướng của Địa, Luận phân làm bốn phần: 1- Phần nhân của thanh tịnh-đối trị tu hành tăng trưởng, nói thanh tịnh... là hai phần tiếp theo, nay hướng về Địa là phương tiện làm nhân của hai phần ấy. 2- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử Diệm Tuệ...” trở xuống là phần thanh tịnh, là Hành bất đầu tiến vào Địa-ra khỏi chướng. 3- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử Đệ tứ...” trở xuống là phần đối trị tu hành tăng trưởng, tức là chính thức trú vào Địa thực hành về Đạo phẩm..., hành chủ động có pháp đã loại trừ cho nên gọi là đối trị, tiến tới luyện tập cao hơn gọi là tu hành tăng trưởng. 4- Từ “Phật tử, chí sở hữu thân kiến...” trở xuống là phần quả của tu hành, đây tức là Địa đầy đủ, là quả của hai phần giữa.

Lại bốn phần này tức là bốn đạo Gia hạnh-Vô gián-Giải thoát và Thắng tiến.

Lại trong bốn phần, một phần đầu là tâm Nhập, ba phần sau là tâm Trú, tâm Xuất thuộc về quả Điều Nhu. Trong tâm Trú có ba phần thân nhiếp ba phần vị trước đây: a-Phần thanh tịnh tức là thân nhiếp Sinh quý Trú; b-Thân nhiếp Chí nhất thiết xứ Hồi hương; c-Thân nhiếp Vô tận Hạnh. Đến văn sẽ biết.

Phần 1: Phần nhân của thanh tịnh, văn có ba mục: Một-Kết thúc phần trước nêu lên phần sau; hai-Từ “Hà đẳng...” trở xuống là nêu ra tên gọi riêng biệt; ba-Từ “Bồ tát dĩ thử...” trở xuống là kết luận về hành tiến vào phần vị.

Mục một- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau: Mười pháp minh

môn, Môn tức là nghĩa của tiến vào thông suốt, cho nên Luận về Kinh gọi là Nhập; Minh là Môn chủ động tiến vào; Pháp là Xứ thụ động tiến vào, vì vậy Luận nói: Chứng được ánh sáng thuộc Trí của Địa, dựa vào ánh sáng của Trí ấy, tiến vào trong pháp Như Lai đã thuyết giảng.

Nói Chứng Trí của Địa, tức là Chứng Trí của Địa thứ tư. Ánh sáng, tức là ánh sáng thuộc Tuệ của Địa thứ ba, nghĩa là trong Địa thứ ba đạt được tướng trước khi Chứng Trí của Địa thứ tư này, cho nên cùng nêu ra Trí của hai nơi để giải thích về ánh sáng, cũng giống như Minh Đắc Định của Địa tiền. Vì vậy Địa trước, Luận nói: Tuệ ấy, trong này gọi là Quang Minh. Tức là nghĩa ấy.

Nói pháp đã thuyết giảng, là trước đây mong cầu Đa văn, từ Phật nghe thuyết giảng về mười loại pháp như Pháp giới chúng sanh..., liền dùng ánh sáng của Trí tiến vào qua lại, thường xuyên tiến vào qua lại. Tiến vào qua lại tức là tu hành, tu hành tức là quán sát từ trên xuống dưới, quán sát tăng thượng viên mãn đến tận cùng, mới đạt được Chứng mà tiến vào Địa thứ tư.

Trong mục hai: Là nêu ra tên gọi riêng biệt, có mười loại sai biệt. Quán sát về mười loại này, sơ lược dùng ba lớp để giải thích: 1- Câu đầu là tổng quát, chủ yếu là vì chúng sinh; chín câu còn lại là riêng biệt, đều vì sự việc của chúng sinh. 2- Tám câu trước là nhiễm, hai câu sau là tịnh. 3- Năm câu trước là suy ra từ chủ động nương tựa đến thụ động nương tựa, năm câu sau là dựa vào thụ động nương tựa để thiết lập chủ động nương tựa.

Trong năm câu trước:

Câu 1- Quán sát về Giả danh sai biệt của chúng sinh. Giả có ba loại: Một-Giả thuộc về nhân thành tựu; Hai- Giả thuộc về nối tiếp nhau; Ba- Giả thuộc về đối đãi nhau. Giả là giải thích về Không, cho nên trước phải quán sát về Giả.

Nhân thành tựu có hai: a- Năm Uẩn hòa hợp, Giả danh họ ấy-tên ấy, là tiến vào Chứng sinh Không; b- Ấm cũng do nhân duyên mà có, là tiến vào Pháp Không. Do hai Không mà hiển bày tức là Chân Như, không hoại Giả danh, Không-Hữu không hai, tức là Trung đạo.

Nói về nối tiếp nhau, bởi vì Ấm trước diệt đi-Ấm sau nối tiếp sinh ra, niệm niệm nối tiếp nhau, Giả mà không phải là Thật, cũng chân thật tiến vào hai Không.

Nói về đối đãi nhau, đối đãi với không phải chúng sinh để nói chúng sinh, tiến vào Thật cũng như vậy. Một câu này suy ra Giả để tiến vào Thật, chín câu còn lại dựa theo có thể biết, cho nên Luận chỉ hiển

bày về tướng sai biệt.

Câu 2- Pháp giới, Luận là câu thứ 3, là nhân của Y-Chánh, tức là pháp giới nhiễm. Đây là thuận theo nghĩa riêng biệt. Nếu pháp giới tịnh nổi thông làm mười loại nương tựa, thì mười loại này cùng với pháp giới cuối cùng không có sai biệt.

Câu 3- Thế giới, là Y báo mà Giả danh chúng sinh ấy đã trú vào.

Câu 4- Hư không làm chỗ dựa của Y-Chánh, luận Du Già gọi là Thắng nghĩa bình đẳng, tức là Lý Không đều vô tận.

Câu 5- Chỗ dựa của nhiễm-tịnh là cảnh giới của Bốn thức.

Trong năm câu sau: Dựa vào thụ động nương tựa này để thiết lập chủ động nương tựa sau, bởi vì cảnh giới của Thức này trước-sau đều hướng về. Hướng về trước làm chỗ dựa của Y-Chánh, hướng về sau làm chỗ dựa của nhiễm-tịnh.

Ba câu đầu: Bởi vì phiền não khiến cho nhiễm, thành tựu Y tha thuộc phần nhiễm, cho nên có đắm vào Dục-đắm vào Thọ-đắm vào Tưởng của ba cõi sai biệt, mà ba cõi chỉ do tâm.

Hai câu sau: Tín-Giải rộng lớn, thành tựu Y tha thuộc phần tịnh. Luận về Kinh thì trước là tâm thù thắng dựa vào Tín-Giải, phiền não không nhiễm cùng với Thanh văn giống nhau, sau là tâm to lớn dựa vào Tín-Giải, không rời bỏ chúng sinh, không giống với Thanh văn. Nay kinh thì trước nói là rộng rãi, là trình bày về tâm bảo vệ hẹp hòi bao gồm cứu giúp; sau là tâm to lớn, tức là bảo vệ nhỏ bé, mong cầu Đại Bồ-đề. Bởi vì hai tâm đều khác với Nhị thừa, trước là Đồng Thể Đại Bi quán sát về chúng sinh, sau là đầy đủ tri kiến của Phật quán sát về chúng sinh, thệ nguyện khiến cho đạt được như nhau.

Lại đều nói về cảnh giới là bao gồm Sự-Lý. Sự tức là bao gồm tất cả sai biệt, Lý thì mỗi một đều hòa vào Thật, tức là pháp giới thanh tịnh, cho nên đều là Minh Môn.

Mục ba: Là kết luận về hành tiến vào phần vị, quán sát viên mãn phù hợp với mười Lý, thì tiến vào Địa tứ tư. Vì vậy luận Du Già quyển thứ 18 nói: “Trước là trú vào tâm tăng thượng, dùng lực tăng thượng để mong cầu Đa văn, cho nên đã có thể tiến vào mười Pháp Minh. Do tiến vào mười Pháp Minh này, bởi vì thành tựu phẩm Thượng, cho nên viên mãn đến tận cùng, tiến vào trú trong Tuệ tăng thượng thứ nhất.”

Phần 2: là phần thanh tịnh, tức là thâm nhiếp Sinh quý Trú, cho nên văn trước đây nói: Sinh ra từ trong Thánh giáo của chư Phật. Vì sao thanh tịnh? Bởi vì ở trong nhà của Như Lai cho nên càng có thế lực. Trong văn có ba: Một- Tổng quát trình bày; Hai- Từ “Hà đẳng...” trở

xuống là đưa ra giải thích; Ba- Từ “Thị vi thập...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong mục một, văn có ba câu: Câu cuối nói về gia đình sinh ra là tướng tổng quát, câu đầu nói về mười Trí là nhân có thể sinh ra, câu tiếp nói về pháp bên trong là gia đình đã sinh ra. Bởi vì dùng mười Trí quán sát từ trên xuống dưới, cho nên mười pháp như các hành... được thành thực. Thành thực thì trừ diệt chướng ngại về Trí thuộc pháp hiểu biết của Địa thứ ba, thâm nhiếp Trí thù thắng xuất thế gian của Địa thứ tư, phù hợp với Thể của pháp, cho nên nói là đạt được pháp bên trong của Địa ấy. Pháp bên trong là hiển bày không phải tướng bên ngoài, pháp này tức là pháp giáo hóa mà Như Lai đã thuyết ra, gọi là nhà của Như Lai. Địa này đầu tiên nương vào pháp xuất thế, cho nên gọi là Sinh.

Nhưng nhà của Như Lai tóm lược có ba loại: 1- Nhà của tâm Bồ-đề, Trí thứ nhất tức là Sinh; 2- Nhà của Đại giáo, Trí thứ tư tức là Sinh; 3- Nhà của pháp giới, Địa thứ nhất chứng được mà Sinh. Nay ở đây thâm nhiếp Trí thứ tư, cho nên dùng Trí phù hợp với giáo pháp, kết hợp với pháp giới, đầy đủ mười nghĩa sau, cho nên gọi là Sinh. Như luận Du Già chỉ nói: “Lớn lên trong nhà của Như Lai.” Luận về Kinh cũng chỉ nói: Ở trong nhà của Như Lai cho nên càng có thế lực, ý trình bày về Địa thứ nhất đã sinh trong nhà, Địa thứ hai-thứ ba phát khởi phương tiện tu tập, sớm có được thế lực. Nay dựa vào Đa văn của Địa thứ ba thành tựu về Trí xuất thế, cho nên nói là càng có. Trong này, Trí phù hợp tức là ánh sáng thuộc Tuệ của hạnh Vô hành-Vô sinh.

Trong mục hai, là đưa ra giải thích. Nêu ra có mười câu, Luận thâm nhiếp làm bốn:

1- Một câu về Trí cuối cùng ở trú xứ của mình, nghĩa là Đại thừa thì Bồ-tát ở trú xứ của mình, tâm sâu xa tương ứng là trú vào, cuối cùng tức là không lui sụt.

2- Một câu về Trí cuối cùng đồng kính Tam Bảo, nghĩa là chứng Đồng Thể Tam Bảo, cho nên thành tựu Tín bất hoại.

Hai câu trên dựa theo Hạnh-Đức sai biệt, trước là Tự phần, sau là Thắng tiến. Sau có hai Trí dựa theo Trí-Giải sai biệt, trước là Chứng, sau là Giáo.

3- Có hai câu trình bày về Trí Chân Như, nghĩa là thấy Đệ nhất nghĩa, chứng hai Vô ngã: Một- Chỉ có các hành như Uẩn, mà sinh diệt lưu chuyển cho nên không có Nhân Ngã; Hai- Tức là các pháp như Uẩn... này xưa nay không sinh, cho nên không có Pháp Ngã.

4- Sáu câu còn lại trình bày về Trí thuyết phân biệt, nghĩa là Trí

thuộc Giáo cho nên gọi là Thuyết, nhận biết về Thế đế cho nên gọi là phân biệt, bởi vì phân biệt về nhiễm-tịnh. Hai câu đầu là nhiễm ô, ba câu sau là thanh tịnh, câu thứ ba đầy đủ nhiễm ô-thanh tịnh. Đều có nhân-quả tức là bốn Đế, đó là:

Hai câu đầu gọi là Tùy phiền não, nhiễm ô tức là Y báo-Chánh báo thuộc về Khổ đế, do Tập nhân của Tùy phiền não mà sinh ra, nghĩa là câu đầu nói về Y báo, câu tiếp nói về Chánh báo, cho nên gọi là có sinh. Cùng dựa vào nghiệp, nghiệp cùng với phiền não, cả hai đều là Tập nhân, vì vậy Luận và Kinh phỏng theo tóm lược mà nói.

Trong câu ba: Đầu tiên quán sát về sinh tử, Luận về Kinh gọi là thế gian, tức là phiền não nhiễm ô. Câu trên dùng nhân để hiển bày quả, nói là bởi vì nghiệp mà có sinh. Câu này dùng quả để hiển bày nhân, cho nên nói là sinh tử. Sinh tử lấy phiền não làm Thế, tức là Tập đế. Đây là thuận theo ý của Luận. Tiếp theo quán sát về Niết-bàn, là tất cả thanh tịnh, tức là Diệt đế. Nếu thẳng thắn dựa vào văn kinh, thì cũng có thể bởi vì nghiệp mà có sinh là Tập đế, sinh tử và Niết-bàn lại cùng quán sát về Khổ-Diệt mà thôi.

Ba câu sau là tùy theo những pháp thanh tịnh, tức là Đạo đế, bởi vì tùy thuận Diệt trước đây. Trong ba câu: Một câu đầu là hành Lợi tha, Luận nói: Chư Phật giáo hóa chúng sinh trong thế giới, mà thành thực về nghiệp của mình. Dựa theo ý của Luận này để giải thích, thì câu đầu này nên nói là quán sát các quốc độ để chuyển hóa nghiệp của chúng sinh, thì không xen lẫn bởi vì nghiệp mà có sinh trước đây. Hai câu sau là hành Tự lợi, nghĩa là quán sát phiền não nhiễm ô và Niết-bàn thanh tịnh, là thuận theo Đạo của Diệt: Câu đầu dựa theo Sự, quán sát về phiền não không có bắt đầu, mà làm thời gian trước; Niết-bàn không có kết thúc, mà làm thời gian sau. Câu sau thuận theo Lý, quán sát về phiền não vốn Không, không có gì giảm bớt, cho nên không có thể tận cùng; tánh thanh tịnh của Niết-bàn, không phải là mới tăng thêm, tự tánh tận cùng cho nên đều gọi là không có gì có tận cùng. Phiền não phỏng theo chọn lấy sinh tử, Niết Bàn phỏng theo chọn lấy Bồ-đề, bởi vì Trí của Bồ-đề cũng phù hợp với Lý, nhưng là quán sát trong Thế đế, cùng với Trí Chân Như trước đây.

Lại hai câu sau tức là ý kể nói về xưa có-nay không có, cũng là quán sát về pháp duyên khởi, Vô minh-Hành là thời gian trước, Sinh-Lão tử là thời gian sau, Vô minh diệt thì Hành diệt, tự tánh diệt cho nên gọi là không có gì có tận cùng, như trong Địa thứ sáu.

Phần 3: Trong phần đối trị tu hành tăng trưởng, có hai: Một- Hạnh

bảo vệ phiền não; Hai- Từ “Bồ-tát tu hành như thị...” trở xuống là trình bày về Hạnh bảo vệ Tiểu thừa. Trước là Đại Trí thuộc về Tự lợi khác với phàm phu, sau là Đại Bi thuộc về Lợi tha khác với Tiểu thừa. Hai loại này dẫn dắt nhau thành tựu về không trú vào Đạo, không có nơi nào không đến, cho nên thuộc về Chí nhất thiết xứ Hồi hương.

Mục một- Hạnh bảo vệ phiền não, tức là tu tập về pháp phần Bồ-đề. Luận chủ có riêng phần luận về Đạo phẩm, cho nên ở đây không giải thích. Nay tóm lược làm bốn môn:

Môn 1- Giải thích tên gọi: Bồ-đề là Giác ngộ, Phần là nghĩa của nhân. Ba mươi bảy pháp này làm nhân giác ngộ của các Thừa, cho nên cũng gọi là Đạo phẩm. Phẩm tức là chủng loại, nhân là chủng loại của quả. Tên gọi riêng biệt đến văn tự nhiên hiển bày.

Môn 2- Hiển bày về giống nhau-khác nhau: Luận Du Già quyển thứ 44 nói: “Bồ-đề phần của Đại thừa mới có nhiều loại, ba mươi bảy phẩm chính là nghĩa riêng biệt trong đó, bao gồm Đại-Tiểu.” Kinh Niết Bàn cũng nói ba mươi bảy phẩm là nhân của Niết-bàn, không phải là nhân của Đại Niết-bàn, bởi vì Vô lượng A-tăng-kỳ Đạo phẩm là nhân của Đại Niết-bàn. Sau trong Địa thứ năm nói đến Vô lượng Đạo phẩm, và phẩm Ly Thế Gian nói về Đạo cho đến Trợ đạo, đều gọi là Vô lượng. Nay dựa theo phần vị nương vào, cho nên chỉ có ba mươi bảy phẩm mà thôi. Nếu dựa theo Trí Luận, thì chỉ ba mươi bảy phẩm mà không có gì không thấu nhiếp, tức là Vô lượng Đạo phẩm cũng ở trong đó, như phân biệt về bốn Đế có Vô lượng tướng, mà chỉ là tâm hành lớn-nhỏ không giống nhau. Kinh Tịnh Danh nói: “Đạo phẩm là đạo tràng, là nhân của Pháp thân.” Kinh Đại Tập gọi là Đà-la-ni làm ngọn đuốc quý báu của Bồ-tát. Kinh Niết Bàn nói: “Nếu người có thể quán sát về tám Chánh đạo, thì thấy Phật tánh, gọi là đạt được Đề-hồ.” Điều dựa theo Đại thừa mà nói.

Môn 3- Trình bày về Thể tánh: Tuy là ba mươi bảy phẩm, mà chỉ dùng mười pháp để làm căn bản, đó là Tín-Giới-Niệm-Tinh tiến-Định-Tuệ-Trừ-Hỷ-Xả-Tư duy, bởi vì Tín có hai, Giới có ba, Niệm tách ra làm bốn, Tinh tiến-Định-Tuệ thì ba pháp này đều có tám, pháp còn lại đều có một, cho nên thành ra ba mươi bảy phẩm. Lại tóm gọn mười pháp này, dùng ba Uẩn làm Thể, nghĩa là: Giới là Vô biểu sắc, chi Hỷ là Thọ, còn lại đều là Hành uẩn. Trong năm loại pháp, chỉ có hai loại làm Thể, đó là Sắc và Tâm sở. Nếu chọn lấy Trợ bạn thì bao gồm năm Uẩn. Nếu chọn lấy Sở duyên thì bao gồm tất cả các pháp. Mở rộng hiển bày về sai biệt, như Trí Luận quyển thứ 21-22 và 53, luận Du Già quyển thứ

và 45, luận Tạp Tập quyển thứ 10. Dưới đây đã giải thích dựa vào các Luận này.

Môn 4- Chính thức giải thích văn: Tức là hành tướng của ba mươi bảy phẩm, tổng quát có bảy loại: Một- Đạo thuộc về đối trị điên đảo gọi là bốn Niệm xứ; Hai- Đạo thuộc về đoạn trừ các loại giải đãi, gọi là bốn Chánh cần; Ba- Đạo thuộc về dẫn dắt phát khởi thần thông, gọi là bốn Thần túc; Bốn- Đạo thuộc về phương tiện hiện quán, gọi là năm Căn; Năm- Đạo thuộc về hiện quán thân cận, gọi là năm Lực; Sáu- Đạo thuộc về Tự Thể của hiện quán, gọi là bảy Giác phần; Bảy- Đạo thuộc về phát khởi sau hiện quán, gọi là tám Chánh đạo.

Thứ tự của bảy loại này: Nếu nghe pháp rồi thì trước hết là nghĩ đến duy trì, tiếp theo là chịu khó tu tập, chịu khó cho nên thấu nhiếp tâm điều hòa thích hợp, điều hòa thích hợp cho nên Tín... thành tựu về Căn, Căn tăng lên là Lực, tiếp là bảy Giác phần phân biệt, tám Chánh đạo thực hành Chánh hạnh. Có lúc tám Chánh đạo ở trước, thì chưa thành tựu gọi là Đạo, đã thành tựu gọi là Giác.

Nhưng trên đây hãy còn nương vào phần vị, nếu dựa theo hành thì Sơ phát tâm tu tập tất cả, hướng gì Bồ-tát tiến vào Địa?

Một- Đạo thuộc về đối trị điên đảo, gọi là bốn Niệm Xứ: Bốn gọi là Thân-Thọ-Tâm-Pháp, Niệm gọi là Niệm Tuệ, Thân... làm nơi an trú của Niệm Tuệ ấy, cho nên cũng gọi là Niệm Trú.

Luận Du Già nói: “Nếu Trú ở tại nơi này thì chính là Thân..., nếu Trú dựa vào nơi này thì chính là Niệm Tuệ, Thể thật là Tuệ, dùng Tuệ quán sát, giữ lấy cảnh do Niệm, đạt được Trú và Niệm gần nhau, gần bên cạnh gọi là Niệm.”

Luận Tạp Tập nói: “Tất cả pháp phần Bồ-đề, đều do năm môn mà được kiến lập: 1- Sở duyên; 2- Tự Thể; 3- Trợ bạn; 4- Tu tập; 5- Quả của tu.” Văn hoặc là tóm lược không có, mà nghĩa nhất định phải đầy đủ.

Niệm xứ thì Thân... là Sở duyên, Niệm Tuệ là Tự Thể, quán sát dựa theo thân... là tu tập, phá trừ bốn điên đảo, hướng về tiến vào bốn Đế, Thân... lìa xa ràng buộc là quả của tu.

Bốn loại như Thân... này, ba loại trước tức là ba Uẩn, mà Tướng-Hành hợp lại làm Pháp niệm xứ, là bởi vì trình bày về sự thuộc về chỗ dựa của Ngã, sự thuộc về thọ dụng của Ngã, sự thuộc về Tự Thể của Ngã, sự thuộc về nhiễm-tịnh của Ngã.

Chủ yếu dùng bốn loại này là bởi vì đối trị bốn điên đảo, nghĩa là quán sát về Thân bất tịnh để đối trị với điên đảo về thanh tịnh, quán sát

về Thọ là Khổ, quán sát về Tâm là Vô thường, quán sát về Pháp là Vô ngã, để đối trị ba loại còn lại có thể biết.

Theo thứ tự này, là bởi vì chỉ dạy đối trị từ thô đến tế. Trí Luận nói: “Thân này đã như vậy, thì tham chúng sinh bất tịnh, là bởi vì tình trần ấy sinh ra các Thọ, chấp đó là vui sướng. Ai thọ nhận vui sướng này? Vì vậy tiếp đến quán sát về Tâm, niệm niệm sinh diệt. Sau là quán sát về hai Uẩn đều không tự tại. Phá trừ bốn điên đảo này, thực hành bốn Chánh hạnh, mở toang cánh cửa Thật tướng.”

Nếu nói như vậy thì trong bốn điên đảo, vì sao lấy Thường- Lạc- Ngã- Tịnh mà làm thứ tự ấy? Đây là dựa theo trước nặng-sau nhẹ để làm thứ tự. Nhưng bốn Xứ này đều tiếp nhận, đều khởi lên bốn điên đảo, thuận theo chấp nhiều mà nói, đều nói về một loại. Nhưng quán bất tịnh... nối thông với Đại thừa-Tiểu thừa.

Luận Du Già quyển thứ 45 nói: “Bồ-tát đối với Đạo phẩm của Thanh văn, nhận biết rõ ràng như thật, như Địa của Thanh văn. Vì sao Đại thừa nhận biết rõ ràng như thật? Nghĩa là tu Thắng nghĩa và tu Thế tục Tu về Thế tục, tức là quán bất tịnh..., nhưng không chấp là Thật; tu về Thắng nghĩa, tức là lìa xa tướng-tánh.”

Kinh Đại Tập-kinh Bát Nhã..., đều nói về tánh-tướng cùng quán, Trí Luận cũng như vậy, cho đến không niệm Thân-Thọ-Tâm-Pháp. Kinh Vô Hành nói:

*“Quán sát về Thân hoàn toàn Không,
Quán sát về Thọ trong ngoài Không,
Quán sát về Tâm không có gì,
Quán sát về Pháp chỉ có danh.”*

Đây là dựa theo như thật, nhưng có hai ý: 1- Bởi vì pháp tánh sâu thẳm vắng lặng, Thường-Lạc-Ngã-Tịnh tức là loại bỏ điên đảo như Vô thường...; 2- Ở đây tiến vào Pháp Không, cùng loại bỏ tám điên đảo.

Kinh Thắng Man cũng nói bốn Niệm có thể trừ bỏ tám điên đảo, đã trừ bỏ tám điên đảo thì trở thành tám Hạnh. Niết-bàn song thọ, bốn đôi-tám đơn, bốn khô-bốn tươi, chính là biểu thị cho điều này. Kinh Đại Phẩm trình bày, dùng tất cả các loại để tu bốn Niệm xứ.

Vì sao tu tất cả các loại? Thuận theo quán sát về Sắc của thân này, bởi vì pháp tánh duyên sinh cho nên một Sắc là tất cả Sắc, bởi vì duyên sinh tức Không cho nên tất cả Sắc là một Sắc, bởi vì trong pháp tánh cho nên không phải một-không phải tất cả mà cùng soi chiếu một-tất cả, cũng không phải Sắc-không phải là không Sắc mà cùng soi chiếu Sắc-không Sắc. Thân niệm đã như vậy, ba loại còn lại cũng như vậy.

Vì sao khô-tươi biểu thị cho Niệm xứ này? Nghĩa là Sắc của pháp tánh, thật không phải là Tịnh, phàm phu chấp là Tịnh thì gọi là điên đảo; thật không phải là Bất tịnh, Nhị thừa chấp là Bất tịnh thì gọi là điên đảo. Nay quán sát về Sắc chủng tức Không, tất cả tức Không, trong Không không có Tịnh vì sao nhiễm trước, thì Tịnh điên đảo của phàm phu phá bỏ, Niệm xứ khô thành tự. Sắc chủng không hoại Giả danh, thì tất cả đều Giả, phân biệt về danh tướng không thể tận cùng. Trí về Giả là Thường-Tịnh, vì sao đắm vào Không mà chọn lấy thiêu thân diệt tâm (Khô hoại đoạn)?

Nói về Sắc bất tịnh, thì gọi là Bất tịnh điên đảo của Nhị thừa phá bỏ, Niệm xứ tươi thành tự. Vì vậy tám điên đảo cùng phá bỏ, khô-tươi cùng thiết lập. Quán sát Bốn tế của Sắc không phải là Không-không phải là Giả, thì tất cả không phải là Không-không phải là Giả, không phải là Không cho nên không phải là Bất tịnh điên đảo, không phải là Giả cho nên không phải là Tịnh điên đảo, đã không phải là hai bên thì mới gọi là Trung đạo. Phật hiểu rõ Lý này, cho nên ở trung gian mà Bát Niết-bàn. Ba loại còn lại tương tự như vậy.

Đây là thuốc pháp đối trị, số lượng ấy có Bốn; Trí quán sát pháp tánh gọi đó là Niệm; một Đế-ba Đế gọi đó là Xứ. Tất cả tức là Không, các điên đảo về khô-tươi, không có gì không rỗng lặng. Tất cả tức là Giả, hai bên Song thọ, không có gì không thành lập. Tất cả tức là Trung, không có gì không phải là pháp giới. Chỉ một niệm tâm xa rộng như vậy, cho nên đi sâu vào quán sát Niệm xứ, tức là an tọa nơi đạo tràng, lại không cần gì khác. Căn cơ thích hợp không giống nhau, cho nên nói về những phẩm còn lại. Một khoa đã sâu xa huyền diệu như vậy, sáu khoa còn lại dựa theo đây có thể biết.

Trong văn sau chỉ tóm lược giải thích về tướng, người thuyết giảng có năng lực, tách biệt nêu ra từng loại một. Nay kinh chỉ nói quán về thân, không nói về tịnh-bất tịnh..., bởi vì thuận theo tướng tổng quát mà nói để hiển bày đầy đủ. Trong văn có hai: Đầu là riêng biệt quán về Thân niệm xứ; sau từ “Như thị...” trở xuống là tương tự hiển bày về ba loại còn lại.

Đầu là riêng biệt quán về Thân niệm xứ: Quán về Thân đương nhiên có ba quán như bên trong... Ba quán này trong Trí Luận-luận Du Già mở rộng hiển bày về tướng ấy, nay sơ lược nêu ra đôi điều.

Luận Du Già nói: “Sắc hữu tình tự nhiên bên trong là Thân bên trong, Sắc phi tình bên ngoài là Thân bên ngoài, Số hữu tình khác là Thân bên trong-bên ngoài. Đầu tức là tự thân, bởi vì Ái thuộc về Ngã

ái; tiếp tức là tài sản đồ vật..., bởi vì Ái thuộc về Ngã sở; sau tức là vợ con-quyển thuộc, bởi vì Ái thuộc về Ngã ấy là Ngã ái-Ngã sở.”

Trí Luận quyển thứ 28 cũng mở rộng trình bày về điều này, quyển thứ 53 lại nói: “Tự thân gọi là bên trong, thân khác gọi là bên ngoài.” Nhưng không trình bày về bên trong-bên ngoài, chọn lấy ý giải thích sau, chỉ kết hợp hai loại trước, cho nên nói là bên trong-bên ngoài. Sở dĩ có ba loại này, là bởi vì phá trừ ba loại Tà hành. Có người đắm theo tình bên trong nhiều, thì rời bỏ vợ con-tài sản để toàn thân; có người đắm theo tình bên ngoài nhiều, thì tham lam tài sản mà mất thân, vì vợ con mà bỏ mạng; có người đắm theo tình bên trong lẫn bên ngoài. Phá trừ ba Tà hành này để thành tựu ba Chánh hành. Đây là dựa theo ba người đối trị khác nhau. Nếu dựa theo một người thì khởi lên quán sát từ đầu đến cuối, nghĩa là trước hết quán sát tự thân mong cầu về Tịnh... không thể được, hoặc là có ở bên ngoài; tiếp theo liền quán sát bên ngoài, lại không thể được, thì sinh lòng nghi ngờ rằng: Lúc mình quán sát bên trong thì đối với bên ngoài có lẽ sai lầm, lúc quán sát bên ngoài thì đối với bên trong có lẽ sai lầm? Tiếp theo cùng quán sát bên trong-bên ngoài cũng không thể được. Hai loại đầu là riêng biệt, một loại sau là tổng quát. Bởi vì hai cách giải thích này cho nên biết rõ ràng, chỉ kết hợp hai loại trước là thân bên trong-bên ngoài.

1- Quán sát về thân bên trong: Trước là nêu lên Sở duyên riêng biệt; tiếp là quán sát thuận theo thân, tổng quát hiển bày về tướng tu tập.

Trí Luận nói: “Tìm theo quán sát nhận biết về Thân bất tịnh...” Nhưng thuận theo có hai nghĩa: Một- Nghĩa về tìm kiếm, bởi vì tìm cầu năm loại bất tịnh khắp nơi; Hai- Nghĩa về tùy theo, nghĩa là tuy mắt sâu xa nhìn thấy rõ ràng ảnh tượng của thân, mà tùy thuận sắc chất vốn có bởi vì tánh tương tự. Trước đây nêu lên thân bên trong tức là sắc chất vốn có, nay nói thuận theo thân tức là ảnh tượng. Đây là ý của luận Tập Tập.

Tiếp là chịu khó hăng hái nghĩ đến để nhận biết, hiển bày về nghi thức tu tập, bởi vì sự việc của thế gian như tham..., là tập khí xấu ác từ vô thủy, lia bỏ chúng rất khó, còn khó hơn cha yêu thương lia bỏ con hiếu thảo, vì vậy cần phải tinh tiến thì mới có thể trừ bỏ. Cần tức là mong muốn chịu khó thúc đẩy cố gắng, Dũng là dũng cảm mạnh mẽ không thôi, Niệm là ghi nhớ rõ ràng không quên, Tri là quyết đoán không có hối hận. Vả lại, nếu tâm rong ruổi phân tán thì nên nghĩ đến khổ của lão-bệnh-tử, khổ của ba đường ác, thân mạng Vô thường, Phật pháp

sắp diệt, gọi là Niệm Tri, thì có thể thúc đẩy tâm khiến cho trở lại quán sát ban đầu, liền sinh lòng chịu khó hăng hái. Đây đủ các nghĩa trên thì không phóng túng.

Tiếp là nói về trừ bỏ tham lam-buồn lo của thế gian, tức là quả của quán sát, bởi vì có những hành đã lìa bỏ. Quán sát về thân bất tịnh chủ yếu là đối trị hành Tham, đã lìa bỏ năm Dục là niềm vui của thế gian, nhưng chưa đạt được niềm vui của Định, có lúc sinh lòng buồn lo; như cá vui với nước, thường mong cầu sự việc vui thích, trở lại nghĩ đến Dục ban đầu, phần nhiều sinh ra hai loại này, cho nên chỉ loại bỏ hai loại này. Vả lại, Tham là đứng đầu của năm Cái, trừ bỏ Tham thì năm Cái không còn, như chẻ tre bắt đầu ở đốt thứ nhất; Ưu ở trong năm Thọ, chỉ có thể chướng ngại đến Định, như diệt giặc ác thì trước phải trừ kẻ cầm đầu làm hại, cho nên chỉ nói đến hai loại này. Những pháp bất tịnh... mở rộng như hai Luận, tướng quán sát như thật đã nói như trên.

2- Quán sát về thân bên ngoài và thân bên trong-bên ngoài, pháp đã quán sát khác nhau ở chi tiết mà tướng quán sát giống nhau trên đại thể.

Sau là tương tự hiển bày về ba Niệm xứ còn lại, dựa theo ý của luận Du Già, dựa vào ba thân như bên trong... trước đây mà sinh ra Thọ-Tâm-Pháp, Thọ-Tâm-Pháp tùy theo chỗ dựa mà sinh ra, cũng có bên trong... Ý của Trí Luận trên đại thể giống như ở đây. Luận hỏi rằng: Ở trong bốn Niệm xứ, Tâm chỉ là bên trong, Thọ-Pháp chỉ là bên ngoài, Thân bao gồm bên trong-bên ngoài, vì sao ở bốn Niệm xứ đều có bên trong...? Đáp: Thọ có hai loại: 1- Thân; 2- Tâm. Tâm thọ gọi là bên trong, Thân thọ gọi là bên ngoài. Lại nữa, Thọ tương ứng với Ý thức gọi là bên trong, Thọ tương ứng với năm Thức gọi là bên ngoài... Tâm tuy là bên trong mà duyên với pháp bên ngoài cho nên gọi là bên ngoài, năm Thức luôn luôn là bên ngoài. Vả lại, tâm Định là bên trong, tâm Tán là bên ngoài, pháp tuy là bên ngoài mà duyên với pháp thuộc tâm sở của pháp bên trong thì gọi là bên trong, duyên với pháp thuộc tâm sở của pháp bên ngoài, và Vô vi-tâm bất tương ứng hành là bên ngoài. Ba Niệm xứ sau cũng kết hợp hai loại trước để làm bên trong-bên ngoài. Còn lại như hai Luận trình bày. Tướng quán sát thuận theo thứ tự nói tổng quát như trước.

Hai- Đạo thuộc về đoạn trừ các loại giải đãi, gọi là bốn Chánh Cần. Lửa Trí của bốn Niệm nếu có được làn gió chịu khó (Cần), thì không có nơi nào không đốt cháy, cho nên tiếp theo phân rõ về bốn Chánh cần. Tinh tiến làm Tự Thể của pháp ấy, cho nên tổng quát gọi là

Cần; chọn ra không phải là Cần trái ngược nhau của chín mươi lăm loại ngoại đạo, cho nên gọi là Chánh.

Tuy là một Cần, mà tùy theo nghĩa phân bốn: Hai loại trước thường xuyên đoạn trừ hai ác, là hành ngăn chặn điều ác; hai loại sau thường xuyên tu tập hai thiện, là hành đẩy lên điều thiện. Hai thiện-hai ác đều là cảnh đã duyên vào.

Trong hai loại trước, điều ác chưa sinh thì ngăn chặn khiến cho không sinh ra, điều ác đã sinh thì đoạn trừ khiến cho không nối tiếp. Trong hai loại sau, điều thiện chưa sinh thì khiến cho sinh ra, điều thiện đã sinh thì khiến cho mở rộng. Cũng gọi là bốn Chánh Đoạn. Hai loại sau là tu tập mà nói là Đoạn, bởi vì thiện là nơi chốn của Đoạn, đích thực tu tập về Đoạn mà đoạn trừ lười nhác. Vì vậy luận Du Già nói: “Một- Đoạn thuộc về Luật nghi; Hai- Đoạn thuộc về đoạn trừ; Ba- Đoạn thuộc về tu tập; bốn-Đoạn thuộc về phòng hộ.”

Nhưng thiện-ác ấy có tổng quát-có riêng biệt, riêng biệt chính là chọn lấy giải đãi trong quán sát về Niệm xứ trước đây, năm Cái... dùng làm bất thiện, có thể đối trị bất thiện là thiện đã sinh ra. Dựa theo Đại thừa mà nói, chịu khó quán sát về pháp tánh, trừ Thật tướng ra thì còn lại đều gọi là ác.

Ngay trong mỗi một Cần, vẫn đều có bốn: 1- Pháp bất thiện chưa sinh, đây là nêu ra Sở duyên. 2- Làm cho không sinh ra, cho nên trình bày về ý của tu quán. 3- Mong muốn sinh ra là khởi tâm mong mỏi, là nương vào tu tập, tức là ý thích tăng thượng viên mãn. 4- Từ “Cần tinh tiến...” trở xuống là chính thức hiển bày về tu tập, tức là gia hạnh viên mãn. Cần tinh tiến, là thường xuyên tự thúc đẩy mình phát tâm. Chánh đoạn, là tâm thúc đẩy-tâm duy trì. Văn của ba phần còn lại, dựa theo đây có thể biết. Nếu hai ác không sinh-rời bỏ, hai thiện được sinh ra-tăng rộng, thì chính là quả của Chánh Cần.

Ba- Đạo thuộc về dẫn dắt phát khởi thần thông, gọi là bốn Thần Túc. Bởi vì tán loạn là lỗi lầm của Cần, cho nên lửa Trí yếu ớt, cần đến Định để ngăn chặn thì những mong muốn được tự tại, Thần tức là Thần Thông, Túc tức là Định.

Luận Du Già nói: “Như có Định (Túc) thì có thể đi đến-có thể trở về, nhảy vọt lên cao mạnh mẽ khác thường, có thể đạt được-có thể chứng pháp thù thắng của thế gian. Pháp thù thắng của thế gian, đó gọi là Thần. Nơi khác có thể đến nơi này, cho nên gọi là Thần Túc.” Đây là nêu ra Dự. Bởi vì pháp xuất thế gian tự tại tối thắng, là Thần tối thắng, bốn Định như Dự... có thể chứng được pháp này, cho nên gọi là Thần

Túc. Cũng gọi là Như ý túc, bởi vì thỏa mãn như tâm đã mong muốn.

Sở duyên của Thần túc, tức là đủ loại sự việc biến hóa. Tự Thể của Thần túc, tức là Tam-ma-địa, Dục-Cần-Tâm-Quán đều là Trợ bạn. Dục nghĩa là mong muốn ưa thích mạnh mẽ sắc bén; Cần nghĩa là tinh tiến không gián đoạn; Tâm tức là Định, nghĩa là chuyên tâm giữ lấy cảnh; Quán tức là Tuệ, do nghe giáo pháp, bên trong tự mình lựa chọn. Do lực tăng thượng của Dục, chứng được tánh một cảnh của tâm, gọi là Dục Định. Ba loại còn lại cũng như vậy. Tánh của Cần-Tâm-Quán, gọi là Thượng Định, đều từ gia hạnh mà nhận lấy tên gọi. Bốn gia hạnh này, tức là Dục-Sinh-Cần-Tinh tiến-Phát tâm-Chánh đoạn... trong Chánh Cần trước đây. Bởi vì trong Phát tâm, tâm duy trì có thể sinh ra tâm Định mà kim hãm trạo cử thái quá, tâm thúc đẩy có thể sinh ra Quán Định mà thúc đẩy hôn trầm thái quá. Vì vậy, cứ một Niệm Xứ có bốn Chánh Cần, cứ một Chánh Cần có bốn Thần Túc.

Trong văn: Trước là riêng biệt trình bày về Dục Định; sau từ “Tu hành tinh tiến...” trở xuống là bao gồm hiển bày về ba loại còn lại.

Đầu là nói về tu hành Dục Định, là nêu lên Tự Thể của Trợ bạn đã Tu. Hai chữ Đoạn Hành là tổng quát hiển bày về tướng của Tu, cũng là quả của Tu. Thế nào là tướng của Tu? Ở đây lại có hai loại: 1- Tu tập Dục Định, có thể đoạn trừ ràng buộc của các phiền não hiện hành; 2- Bởi vì mong muốn vĩnh viễn loại bỏ tất cả các tùy miên, tu tám hành về Đoạn, đó là Dục-Cần-Tín-An-Niệm-Chánh tri-Tư và Xả. Vì sao cũng là quả? Bởi vì nếu lấy hành về Đoạn thuộc về thành tựu sau, thì hành về Đoạn thành tựu cũng là quả của Thần Túc. Tiếp là thành tựu Thần Túc, chỉ là quả của hành về Đoạn. Sau từ “Y chỉ yếm...” trở xuống là tiếp tục hiển bày về tướng của Tu, bao gồm phân rõ về Sở duyên.

Dựa theo luận Tập Tập, thì năm Căn về sau mới duyên vào bốn Đế làm cảnh, bảy Giác phần về sau mới có nương vào chán ngán..., dùng làm tướng của Tu. Nay kinh nói Thần Túc, tức là duyên vào bốn Đế mà Tu, nghĩa là duyên vào Khổ mà Tu thì chắc chắn dựa vào chán ngán về Khổ, nếu duyên vào Tập mà Tu thì chắc chắn dựa vào lìa xa Dục, nếu duyên vào Diệt mà Tu thì chắc chắn mong cầu chứng được Diệt, nếu duyên vào Đạo mà Tu thì chắc chắn hướng đến hành của Diệt-Khổ, có thể rời bỏ đối với Khổ. Lúc duyên vào cảnh này chắc chắn mong cầu tu tập, cho nên nói là hồi hướng, cũng là bốn Đạo như gia hạnh... Văn sau nương vào chán ngán..., đều giống như giải thích ở đây.

Bốn- Đạo thuộc về phương tiện hiện quán, gọi là năm Căn: Tăng thượng gọi là Căn, Tự Thể của năm Căn tức là năm loại như Tín... Năm

loại này bao gồm sinh khởi thuộc pháp xuất thế gian, mà làm cho tăng thượng. Bốn loại trước lại có thể sinh khởi, loại sau có được tên gọi Tăng thượng, mà Tín là đứng đầu có thể sinh khởi bốn loại còn lại.

Trong văn: Trước là riêng biệt trình bày về Tín căn, sau là bao gồm hiển bày về bốn loại còn lại. Trong hai mục đều trước là nêu lên pháp đã tu tập, sau là riêng biệt hiển bày về tướng của tu tập như nương vào chán ngán... Ba khoa sau dựa theo đây có thể biết.

Nay ở đây nói về pháp đã tu tập, tức là thật sự mong muốn ưa thích, nhẫn nại sâu xa đối với Đế. Bốn loại còn lại, tức là đối với pháp đã tin tưởng trước đây, thúc đẩy chịu khó mà thực hành, ghi nhớ rõ ràng không quên, luôn luôn chuyên vào một cảnh, lựa chọn đúng-sai. Còn lại như trước đây trình bày.

Nhưng bắt đầu tiến vào pháp của Phật đã có tâm Tín, chưa có Định-Tuệ, không được gọi là Căn. Nay dựa vào ba khoa trước, thì Tín không thể lay chuyển. Trong này, Niệm tức là Niệm trong Niệm Xứ, Tiến tức là Chánh Căn, Định tức là Thần Túc, Tuệ tức là Tuệ duyên vào bốn Đế. Ba loại trước đến đây tổng quát được gọi là Căn. Nếu dựa vào phần vị, thì thuộc về trước Kiến đạo, là bởi vì Hiện quán nhanh chóng phát khởi mà làm quả ấy. Nay ở Địa thứ tư, thì thuận theo để phát khởi Địa sau làm quả.

Năm- Đạo thuộc về hiện quán thân cận, gọi là năm Lực: Tức là năm Căn trước đây tăng trưởng, Ma-Phạm phiền não... không thể nào làm khuất phục được, cho nên gọi là Lực. Lại có thể làm giảm bớt chướng ngại như không tin..., cho nên lại gọi là Lực. Trí Luận nói: “Có thể phá trừ phiền não, đạt được Vô sinh nhẫn, cho nên gọi là Lực.”

Sáu- Đạo thuộc về Tự Thể của hiện quán, gọi là bảy Giác: Giác nghĩa là hiểu biết rõ ràng. Nếu dựa vào phần vị mà nói, thì chính là Tuệ hiểu biết như thật về tự tánh hiện quán, hiểu biết về tự tánh của các pháp. Tự Thể của Giác tức là bảy loại như Niệm...

Trong văn cũng có hai: Trước là riêng biệt trình bày về Niệm giác, sau là bao gồm hiển bày sáu loại còn lại. Nhưng bảy Giác phần thì bảy loại đều là Tự Thể, mà sai biệt là Giác làm Tự Thể, sáu loại còn lại đều là phần của Giác. Nghĩa là Niệm chính là Chi làm chỗ dựa, bởi vì luôn luôn nghĩ đến (Hệ niệm), khiến cho các pháp thiện đều không quên mất. Trạch pháp là Chi thuộc Tự Thể, vốn là tự tướng của Giác. Tinh tiến là Chi thuộc Xuất ly, nhờ vào thế lực này mà đi đến nơi có thể đi đến. Hỷ là Chi thuộc Lợi ích, bởi vì tâm hằng hái vui vẻ-thân điều hòa thích hợp. Ba pháp Ý-Định-Xả là Chi thuộc không nhiễm ô: Ý tức

là Khinh an, bởi vì pháp này không nhiễm ô, nghĩa là do An cho nên có thể trừ bỏ thô nặng; Định là dựa vào pháp không nhiễm ô này, nghĩa là nương vào Định mà đạt được Chuyển y; Xả thì Thể là không nhiễm ô, nghĩa là bình đẳng thực hành về Xả, vĩnh viễn trừ bỏ tham lam-buồn lo, phần vị không nhiễm ô vốn là tự tánh.

Tổng quát thu nhận bảy Giác không ra ngoài ba phẩm: Niệm bao gồm Định-Tuệ, ba loại tiếp là Tuệ, ba loại sau là Định thâm nhiếp. Tuy là ba loại trước đến đây tăng trưởng, mà dựa vào phần vị đã trình bày có thể đoạn trừ Kiến hoặc, dùng làm quả của phần vị ấy.

Lại tuy bảy pháp cùng khởi lên trong một sát-na, mà tùy theo hành tướng đều nói đến công năng, Niệm trừ bỏ vọng niệm, Trạch pháp trừ bỏ không nhận biết đúng đắn, còn lại là trừ bỏ giải đãi-hôn trầm-thô nặng-tán loạn và trạo cử.

Trên đây dựa theo tổng quát mà nói. Đại thừa đối với bảy Giác, bởi vì không nghĩ đến các pháp, bởi vì quyết trạch không thể có được, bởi vì lìa xa tướng tinh tiến-giải đãi, bởi vì bật dứt buồn lo-vui mừng, bởi vì trừ An tâm ra thì duyên đều không thể có được, bởi vì trong tánh Định không có định-loạn, bởi vì cũng không thấy đối với Xả chủ động-Xả thụ động.

Bảy- Đạo thuộc về phát khởi sau hiện quán, gọi là tám Chánh Đạo. Nếu dựa vào phần vị mà nói, thì chính là Đạo phát khởi sau hiện quán, bởi vì đoạn trừ các phiền não thuộc về Tu đạo, lìa bỏ tám Tà cho nên gọi là tám Chánh, mở ra nối thông đến Niết-bàn cho nên gọi là Đạo. Cũng nói là tám Thánh Đạo, bởi vì Thánh là Đạo. Tự Thể của tám Chánh tức là Chánh kiến...

Trong văn cũng trước là riêng biệt trình bày về Chánh kiến, sau là bao gồm hiển bày về bảy loại còn lại.

Nói Chánh kiến, là Chi thuộc về phân biệt, bởi vì dựa vào lựa chọn chân thật về pháp đã chứng trước đây.

Chánh tư duy, là Chi thuộc về dạy dỗ chỉ rõ cho người khác, bởi vì phương tiện an lập như pháp đã chứng, tư duy về danh nghĩa mà phát ra lời nói.

Ba loại tiếp là Chi thuộc về khiến cho người khác tin tưởng.

Chánh ngữ, là khéo léo hỏi-đáp quyết định chọn lựa dựa vào pháp đã chứng, khiến cho người khác tin tưởng, bởi vì có Kiến thanh tịnh.

Chánh nghiệp, là đầy đủ Chánh hạnh tiến lên-dừng lại thuộc về thân nghiệp, khiến cho người khác tin tưởng, bởi vì có Giới thanh tịnh.

Chánh mạng, là cầu xin đúng như pháp, dựa vào Thánh chủng mà

trú, lia bỏ năm loại tà mạng, khiến cho người khác tin tưởng, bởi vì có Mạng sống thanh tịnh.

Chánh tinh tiến, là Chi thuộc về thanh tịnh Phiền não chướng, bởi vì pháp này vĩnh viễn đoạn trừ tất cả các Kiết.

Chánh niệm, là Chi thuộc về thanh tịnh Tùy phiền não, bởi vì không quên mất tướng nêu cao ngăn chặn đứng đắn, vĩnh viễn không chấp nhận hôn trầm-trạo cử...

Chánh định, là Chi thuộc về năng lực thanh tịnh chướng ngại của công đức tối thắng, bởi vì pháp này dẫn dắt phát khởi vô lượng công đức thù thắng như Thần thông...

Nếu có thể phân biệt-day dỗ chỉ rõ... như trên, thì chính là quả của Đạo chi.

Nhưng trong tám loại ấy, ba loại Ngữ-Nghiệp-Mạng là Giới uẩn thân nhiếp, Niệm-Định là Định uẩn, ba loại còn lại là Tuệ uẩn. Định-Tuệ trên đại thể giống như các phẩm, chỉ tăng thêm thù thắng mà thôi. Giới thì từ trước đến nay chưa có Giác chi, tuy có Định và Luật nghi mà Vô biểu tướng vi tế. Trong này bởi vì Chánh hạnh mới kiến lập, đây là nương vào phần vị mà nói. Nếu dựa vào phẩm Ly Thế Gian trong kinh này, thì tám Chánh đạo là Đạo của Bồ-tát, thứ nhất là Chánh kiến xa lìa Tà kiến, cho đến thứ tám là Chánh định, phương tiện khéo léo đối với một Tam-muội, sinh ra tất cả Tam-muội là pháp không thể nghĩ bàn của Bồ-tát, thì ý nghĩa khác xa so với trước đây đã nói.

Bảy loại trên đây tổng quát dùng Dụ để hiển bày: Pháp tánh như mặt đất, Niệm Xứ như hạt giống, Chánh Cần là gieo trồng, Thần Túc như nảy mầm, năm Căn như mọc rễ, năm Lực như cành lá tăng trưởng, nở ra hoa bảy Giác, kết thành quả tám Chánh.

Mục hai: Là Hạnh bảo vệ Tiểu thừa, trong văn có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát: Công đức như vậy là chỉ ra Đạo phẩm trước đây, bởi vì không rời bỏ chúng sinh chính là trình bày về nghĩa của bảo vệ, cho nên không giống như thiện một mình của Nhị thừa.

Trong riêng biệt: Có đủ Bi-Trí đã vượt ngoài Tiểu thừa, hướng là dùng pháp này để dẫn dắt phía trước? Chín câu phân làm bốn: 1- Bắt đầu; 2- Lợi ích; 3- Mong mỏi; 4- Thực hành. Ba loại trước là tâm bảo vệ Tiểu thừa, một loại sau là hạnh bảo vệ Tiểu thừa.

1- Bắt đầu, là bởi vì Đại Nguyện làm căn bản để khởi hạnh. 2- Từ Bi làm lợi ích cho chúng sinh. Hai loại trên là bảo vệ tâm hẹp hòi. 3- Suy nghĩ về Chung trí là mong mỏi, đây là bảo vệ Tiểu thừa. Trong 4

là thực hành có năm câu: Bốn câu trước là Tự lợi. Hai câu đầu là mong cầu về quả: Câu một là tu hạnh Tịnh độ, mong cầu Y báo của Phật; câu hai là tu hạnh phát khởi về pháp của Phật, mong cầu về pháp của Chánh báo như mười Lực... của Phật. Hai câu sau là mong cầu về nhân: Câu ba là mong cầu về hạnh phương tiện của Địa ấy không hề thỏa mãn, nghĩa là Địa thứ năm-thứ sáu-thứ bảy, cho nên nói là Đạo thù thắng bậc Thượng Thượng; câu bốn là tu hạnh tiến vào Địa không thối chuyển, tức là Địa thứ tám trở lên, hiểu biết về tự tánh của pháp, thuận theo giải thoát của Phật. Một câu sau là Lợi tha, tức là hạnh giáo hóa chúng sinh, nhất định phải khéo léo tài tình.

